

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ HẬU GIANG



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 41
8. Phụ lục	42 - 46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800506679, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 23 tháng 5 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 02923.832.161

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang - Chi nhánh Bạc Liêu	Số 107, Quốc lộ 1A, ấp Phước Thạnh, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	Số 339, đường Bạch Đằng, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại TP. Hồ Chí Minh	Số 166, Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. HCM.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại Phú Quốc	Số 51, Nguyễn Huệ, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông, nhựa đường, bê tông thương phẩm; Bốc xếp hàng hóa; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn; Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm khác; Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm); Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải khách đường bộ trong nội thành và ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe tải thông thường, loại khác (trừ ô tô chuyên dụng, xe container); Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại; Gia công pha sơn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016
Ông Đào Đức Đại	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Bà Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Bảo Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2017

Ban Kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Đương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018
Bà Lâm Thị Thu Hiền	Phó Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018
Bà Lâm Anh Thư	Kiểm toán viên nội bộ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2018
Ông Lý Chí Kiên	Kiểm toán viên nội bộ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Chung	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018
Ông Âu Thái Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018
Bà Huỳnh Tú Mỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016
Ông Mai Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2016
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Hoàng Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Hoàng Nam
Chủ tịch

Ngày 08 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghi – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		419.637.205.332	478.113.283.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	88.542.558.847	33.359.376.577
1. Tiền	111		84.229.831.944	26.730.915.153
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.312.726.903	6.628.461.424
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.652.085.480	2.741.103.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4.109.600.000	4.109.600.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.257.514.520)	(1.368.496.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	4.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.073.683.444	172.148.224.191
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	156.405.673.640	145.447.853.386
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.178.245.228	32.491.528.394
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	18.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	8.349.796.860	2.283.591.859
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.860.032.284)	(8.074.749.448)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		121.224.184.518	245.022.521.162
1. Hàng tồn kho	141	V.8	121.224.184.518	245.059.591.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	-	(37.070.205)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.144.693.043	24.842.057.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.288.462.743	4.223.580.921
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.100.423.514	20.599.667.599
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.755.806.786	18.809.464
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		314.530.912.684	294.457.677.261
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.396.860.000	322.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	5.396.860.000	322.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		286.068.738.996	273.889.817.810
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	179.773.802.425	166.902.466.929
- Nguyên giá	222		277.749.542.293	244.666.432.132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.975.739.868)	(77.763.965.203)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	106.294.936.571	106.987.350.881
- Nguyên giá	228		121.079.434.217	120.187.969.217
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.784.497.646)	(13.200.618.336)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.782.431.031	8.656.800.112
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	12.782.431.031	8.656.800.112
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	2.700.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.282.882.657	8.888.559.339
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.353.401.218	2.508.128.346
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	356.069.705	131.454.200
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	5.573.411.734	6.248.976.793
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		734.168.118.016	772.570.960.375

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		586.798.039.414	640.372.982.696
I. Nợ ngắn hạn	310		487.791.466.951	546.905.245.264
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	194.791.496.779	210.499.948.277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	5.404.809.525	4.891.106.913
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3.008.581.767	4.528.252.887
4. Phải trả người lao động	314	V.18	2.807.243.500	7.216.400.311
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19a	1.196.058.000	800.904.819
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	135.543.576	53.333.343
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	4.572.682.359	1.939.787.075
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	273.213.241.369	314.435.997.938
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	2.661.810.076	2.539.513.701
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		99.006.572.463	93.467.737.432
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19b	544.699.815	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	508.288.410	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	330.000.000	330.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	97.623.584.238	93.137.737.432
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.370.078.602	132.197.977.679
I. Vốn chủ sở hữu	410		147.370.078.602	132.197.977.679
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24a	62.253.990.000	62.253.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.253.990.000	62.253.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24a	622.500.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24a	-	(9.960.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24a	22.565.922.444	16.616.580.196
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24a	27.950.100.307	31.741.406.171
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		19.335.698.775	31.741.406.171
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.614.401.532	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24a	33.977.565.851	31.546.001.312
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		734.168.118.016	772.570.960.375

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019



Vũ Thị Lan Phương
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

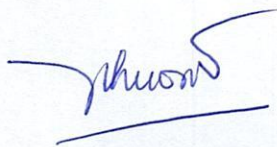
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (VND)	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.422.647.426.275	2.182.994.194.843
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.461.406.387	2.051.073.217
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.419.186.019.888	2.180.943.121.626
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.285.973.520.785	2.053.385.491.329
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.212.499.103	127.557.630.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.413.237.221	10.727.419.136
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	28.124.982.599	15.591.233.203
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.530.464.137	16.609.765.802
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	62.482.247.551	69.896.366.078
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	36.145.387.818	21.238.006.224
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.873.118.356	31.559.443.928
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7.234.319.857	9.433.203.310
13. Chi phí khác	32	VI.9	945.279.265	5.526.196.328
14. Lợi nhuận khác	40		6.289.040.592	3.907.006.982
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.162.158.948	35.466.450.910
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	3.418.779.082	7.432.344.544
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(224.615.505)	(131.454.200)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.967.995.371	28.165.560.566
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.536.430.832	26.815.333.236
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.431.564.539	1.350.227.330
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	2.014	4.467
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	2.014	4.467

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019


 Vũ Thị Lan Phương
 Người lập


 Lâm Thị Trúc Hà
 Kế toán trưởng


 Lê Hoàng Nam
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.162.158.948	35.466.450.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,V.11	22.130.660.025	13.750.310.347
- Các khoản dự phòng	03		4.637.230.351	(238.314.721)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	9.798.282	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.868.492.562)	(9.095.313.155)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	26.530.464.137	16.609.765.802
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.601.819.181	56.492.899.183
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(79.499.578.121)	2.123.587.289
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		67.366.096.295	(124.606.236.989)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		126.612.619.521	92.382.223.466
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(490.653.366)	(4.212.208.740)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.121.692.028)	(16.483.191.198)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(7.131.557.898)	(6.960.172.146)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.617.691.569
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(914.818.313)	(917.089.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		149.422.235.271	3.437.503.217
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.11 V.12	(39.350.036.953)	(102.468.075.055)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		27.272.727	6.703.083.595
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.100.000.000)	(2.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(22.176.680.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	312.108.388	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.110.655.838)	(120.641.671.460)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

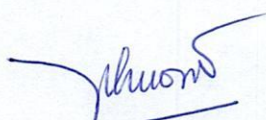
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24a	10.582.500.000		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22a,b	2.212.559.488.118		1.927.163.626.076	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22a,b	(2.249.296.397.881)		(1.793.098.388.778)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24d	(8.973.987.400)		(8.392.640.700)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.128.397.163)		125.672.596.598	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		55.183.182.270		8.468.428.355	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	33.359.376.577		24.890.948.222	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	88.542.558.847		33.359.376.577	

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019



Vũ Thị Lan Phương
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông, nhựa đường, bê tông thương phẩm; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn; Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thiên An	Lô II/18A, Khu công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, khí hóa lỏng (LPG)	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Hamaco Petro	55, đường Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, khí hóa lỏng (LPG)	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh	Số 34/9, Quốc lộ 61, ấp Mỹ Hiệp 1, xã Tân Tiên, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Bán buôn vật liệu xây dựng, dầu nhớt công nghiệp	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco	C22, Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và	60,02%	60,02%	60,02%	60,02%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cần Thơ	thạch cao; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi, bê tông thương phẩm (ống cống, cọc, dầm, đan)				

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 645 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 496 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi và cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 60 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 10 - 53 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	12.668.230.612	9.083.735.133
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.561.601.332	17.647.180.020
Các khoản tương đương tiền	4.312.726.903	6.628.461.424
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	4.312.726.903	6.628.461.424
Cộng	<u>88.542.558.847</u>	<u>33.359.376.577</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần thép Pomina	4.109.600.000	1.852.085.480	(2.257.514.520)	4.109.600.000	2.741.103.200	(1.368.496.800)
Cộng	<u>4.109.600.000</u>	<u>1.852.085.480</u>	<u>(2.257.514.520)</u>	<u>4.109.600.000</u>	<u>2.741.103.200</u>	<u>(1.368.496.800)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.368.496.800	2.717.566.400
Trích lập dự phòng bổ sung	889.017.720	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.349.069.600)
Số cuối năm	<u>2.257.514.520</u>	<u>1.368.496.800</u>

Tập đoàn xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần thép Pomina trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	<u>4.800.000.000</u>	<u>4.800.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-
Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.700.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Cộng	<u>4.800.000.000</u>	<u>4.800.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>

Khoản tiền gửi có giá trị theo sổ sách là 1.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Xây dựng Tài Việt Tín	1.387.988.350	1.922.609.344
Công ty TNHH Thăng Long	3.548.062.294	2.835.261.124
Công ty Cổ phần Hicon Global	-	5.347.982.200
Công ty TNHH Number One Hậu Giang	2.167.252.185	3.672.575.938
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cơ Giới Đông Phú	3.254.000.000	-
Các khách hàng khác	146.048.370.811	131.669.424.780
Cộng	<u>156.405.673.640</u>	<u>145.447.853.386</u>

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2018 có giá trị tối thiểu 70.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh V.22a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Chi nhánh Công ty Xi măng Nghi Sơn	6.279.196.606	4.594.216.656
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	5.826.334.416	16.219.136.323
Công ty TNHH Thép An Hưng Tường	-	1.325.566.608
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang	2.020.624.161	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Hưng Thịnh	-	1.053.523.400
Công ty Cổ phần Đầu tư - Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	-	5.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.372.090.045	4.299.085.407
Cộng	<u>21.178.245.228</u>	<u>32.491.528.394</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản Cho Ông Nguyễn Trọng Nghĩa vay với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 01 tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam - phải thu tiền khuyến mãi hộ	1.391.541.044	-	-	-
Tạm ứng	909.171.525	-	697.052.069	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	814.500.000	-	481.430.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.234.584.291	-	1.105.109.790	-
Cộng	<u>8.349.796.860</u>	<u>-</u>	<u>2.283.591.859</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký cược, ký quỹ	5.396.860.000	-	322.500.000	-
Cộng	5.396.860.000	-	322.500.000	-

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác					
Công ty Cổ Phần Thép Đức Phúc Thịnh – Phải thu tiền bán hàng	Từ 03 năm trở lên	2.579.204.578	-	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	2.579.204.578 21.569.609
Công ty TNHH Thương mại Thép Minh Phát - Phải thu tiền bán hàng	Từ 03 năm trở lên	2.012.478.347	-	Từ 03 năm trở lên	2.012.478.347 -
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hằng An - Phải thu tiền bán hàng	Từ 03 năm trở lên	1.114.320.061	-	Từ 03 năm trở lên	1.114.320.061 -
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền bán hàng	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	11.170.970.012	5.016.940.714	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	3.070.495.377 680.179.306
Cộng		16.876.972.998	5.016.940.714		8.776.498.363 701.748.915

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.074.749.448	6.300.877.932
Trích lập dự phòng bổ sung	3.785.282.836	1.073.684.674
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	700.186.842
Số cuối năm	11.860.032.284	8.074.749.448

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	3.650.306.650	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.547.179.267	-	25.365.330.042	-
Công cụ, dụng cụ	281.471.157	-	3.424.368.146	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.636.364	-	-	-
Thành phẩm	21.953.314.256	-	12.595.882.183	-
Hàng hóa	71.421.583.474	-	200.023.704.346	(37.070.205)
Cộng	121.224.184.518	-	245.059.591.367	(37.070.205)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hàng hóa luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang đã được thế chấp với giá trị tối thiểu bằng số dư tín dụng không có đảm bảo của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ tại mọi thời điểm (xem thuyết minh V.22a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	37.070.205	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	37.070.205
Hoàn nhập dự phòng	(37.070.205)	-
Số cuối năm	-	37.070.205

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.774.351.712	3.234.017.504
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	514.111.031	989.563.417
Cộng	3.288.462.743	4.223.580.921

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.173.523.354	244.794.117
Chi phí sửa chữa	1.745.084.026	315.262.068
Chi phí chung của dự án Tân Phú Thạnh	655.374.381	1.330.480.233
Các chi phí trả trước dài hạn khác	779.419.457	617.591.928
Cộng	4.353.401.218	2.508.128.346

10. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2018 là 113.733.690.304 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.22a và V.22b).

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	119.804.694.217	383.275.000	120.187.969.217
Mua trong năm	804.000.000	87.465.000	891.465.000
Số cuối năm	120.608.694.217	470.740.000	121.079.434.217
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	829.133.318	-	829.133.318
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.035.952.047	164.666.289	13.200.618.336

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Khấu hao trong năm	1.449.405.420	134.473.890	1.583.879.310
Số cuối năm	14.485.357.467	299.140.179	14.784.497.646
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	106.768.742.170	218.608.711	106.987.350.881
Số cuối năm	106.123.336.750	171.599.821	106.294.936.571

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2018 là 104.508.270.011 VND, đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.22a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.059.000	35.022.705	-	40.081.705
<i>Các chi phí phải trả</i>	<i>5.059.000</i>	<i>35.022.705</i>	<i>-</i>	<i>40.081.705</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi tính thuế chưa sử dụng	126.395.200	189.592.800	-	315.988.000
<i>Lãi chưa thực hiện từ việc mua bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn</i>	<i>126.395.200</i>	<i>189.592.800</i>	<i>-</i>	<i>315.988.000</i>
Cộng	131.454.200	224.615.505	-	356.069.705

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco
Nguyên giá	
Số đầu năm	6.755.650.587
Số cuối năm	6.755.650.587
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	506.673.794
Phân bổ trong năm	675.565.059
Số cuối năm	1.182.238.853
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.248.976.793
Số cuối năm	5.573.411.734

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt	8.145.287.906	25.721.610.809
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam- VN steel	49.698.911.515	45.976.141.739
Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	12.808.680.113	9.498.058.656
Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát tại Bình Dương	37.975.058.140	29.796.088.216
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	20.302.584.497	-
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	7.939.054.145	63.615.077.316
Các nhà cung cấp khác	57.921.920.463	35.892.971.541
Cộng	<u>194.791.496.779</u>	<u>210.499.948.277</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	733.500.000
Ông Trần Công Minh	-	733.500.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	5.404.809.525	4.157.606.913
Công ty TNHH Phúc Lợi	-	815.043.850
Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ	1.510.007.232	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Trường Thịnh	-	488.191.937
Công ty Cổ phần Thủy sản N.G Việt Nam	934.781.691	-
Các khách hàng khác	2.960.020.602	2.854.371.126
Cộng	<u>5.404.809.525</u>	<u>4.891.106.913</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thông tin về biến động của thuế và các khoản phải thu Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco Hậu Giang là Công ty con của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 642041000011 cấp lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2013 và thay đổi lần thứ ba ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 04 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20%.

Các Công ty khác trong Tập đoàn: phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả

19a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	484.113.505	480.515.419
Các khoản phải trả khác	711.944.495	320.389.400
Cộng	<u>1.196.058.000</u>	<u>800.904.819</u>

19b. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	544.699.815	-
Cộng	<u>544.699.815</u>	<u>-</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	135.543.576	53.333.343
Cộng	<u>135.543.576</u>	<u>53.333.343</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	508.288.410	-
Cộng	<u>508.288.410</u>	<u>-</u>

21. Phải trả khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	354.548.136	550.921.144
Nhận ký quỹ, ký cược	2.524.800.000	363.701.760
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.693.334.223	1.025.164.171
Cộng	<u>4.572.682.359</u>	<u>1.939.787.075</u>

21b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay**22a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	701.593.166
Mai Bảo Ngọc	-	1.593.166
Vay dài hạn đến hạn trả Ông Hồ Xuân Bảo (xem thuyết minh số V.22b)	-	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Ông Nguyễn Thanh Điền (xem thuyết minh số V.22b)	-	200.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	252.492.758.009	313.734.404.772
Vay ngắn hạn ngân hàng	249.492.758.009	282.326.377.707
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	67.489.600.000	120.608.065.572
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	103.285.000.087	101.772.065.675
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ⁽ⁱⁱⁱ⁾	78.718.157.922	59.946.246.460
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.000.000.000	7.103.172.278
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	3.000.000.000	7.103.172.278
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	20.720.483.360	24.304.854.787
Cộng	<u>273.213.241.369</u>	<u>314.435.997.938</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6% - 7%/năm, thời hạn vay tối đa 03 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11).

Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco: vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh bê tông với lãi suất trong hạn cố định là 7,5%, thời hạn là 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn và phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.2b và V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 5,5% - 7%/năm, thời hạn vay dưới 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng hóa tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.3, V.8 và V.11).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất bê tông các loại với lãi suất được áp dụng theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco Hậu Giang: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Công ty TNHH MTV Hamaco Petro: vay để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

22b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>201.656.166</i>	-
Vay Ông Nguyễn Thanh Điền ⁽ⁱⁱ⁾	200.000.000	-
Vay Ông Mai Bảo Ngọc ⁽ⁱⁱ⁾	1.656.166	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>97.421.928.072</i>	<i>93.137.737.432</i>
Vay dài hạn ngân hàng	68.892.467.183	92.437.737.432
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ⁽ⁱ⁾</i>	<i>68.892.467.183</i>	<i>92.437.737.432</i>
Vay dài hạn các cá nhân	28.529.460.889	700.000.000
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>28.529.460.889</i>	<i>700.000.000</i>
Cộng	<u>97.623.584.238</u>	<u>93.137.737.432</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco: vay để đầu tư xây dựng dự án nhà máy Bê tông Hamaco Hậu Giang và mua xe bê tông với lãi suất áp dụng theo các giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10).

Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco Hậu Giang: vay để đầu tư dự án “Nhà máy Bê tông Khu công nghiệp Sông Hậu” và dự án “Nhà máy sản xuất Bê tông ly tâm ứng lực tại Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh” với lãi suất lần lượt là 10%/năm, 10,5%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó lãi suất được thay đổi theo từng lần của giấy nhận nợ, thời hạn vay lần lượt là 60 tháng và 84 tháng, thời gian ân hạn lần lượt là 03 tháng và 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản cố định và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10 và V.11).

Công ty TNHH MTV Hamaco Petro: vay để mua sắm tài sản cố định với lãi suất 8,8%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của nhân viên Tập đoàn để bổ sung vốn với lãi suất biến động theo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	75.912.950.543	20.720.483.360	55.192.467.183	-
Vay dài hạn các cá nhân	42.431.117.055	-	42.431.117.055	-
Cộng	118.344.067.598	20.720.483.360	97.623.584.238	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	102.348.785.252	9.911.047.820	92.437.737.432	-
Vay dài hạn các cá nhân	15.793.806.967	15.093.806.967	700.000.000	-
Cộng	118.142.592.219	25.004.854.787	93.137.737.432	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	808.084.317	541.336.168	(150.000.000)	1.199.420.485
Quỹ phúc lợi	1.731.429.384	495.778.520	(764.818.313)	1.462.389.591
Cộng	2.539.513.701	1.037.114.688	(914.818.313)	2.661.810.076

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. **Vốn chủ sở hữu**

24a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu xem phụ lục 05 đính kèm.

24b. **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lương Văn Sĩ	2.727.710.000	2.727.710.000
Ông Lê Văn Chung	1.928.680.000	1.928.680.000
Bà Vũ Thị Thủy	2.126.050.000	2.126.050.000
Các cổ đông khác	55.471.550.000	55.471.550.000
Cộng	<u>62.253.990.000</u>	<u>62.253.990.000</u>

24c. **Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.225.399	6.225.399
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.225.399	6.225.399
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.225.399	6.225.399
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	622.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	622.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.225.399	5.602.899
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.225.399	5.602.899
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. **Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐHĐCĐ.18 ngày 21 tháng 4 năm 2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (16%/mệnh giá)	: 8.964.638.400
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	: 5.949.342.248
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	: 991.557.041
• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	: 793.245.633

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang cũng tạm ứng cổ tức năm 2018 cho các cổ đông với số tiền 3.922.029.300 VND (7%/mệnh giá) theo Nghị quyết số 31NQ/HĐQT.2018 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng quản trị.

Trong năm Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang đã trả cổ tức như sau:

	VND
Chi cổ tức 2016	: 7.400.000
Chi cổ tức 2017	: 5.047.208.300
Tạm chi cổ tức 2018	: <u>3.919.379.100</u>
Cộng	<u>8.973.987.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm, Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 37/NQ/HĐQT.2018 của Hội đồng quản trị ngày 20 tháng 11 năm 2018 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.557.647

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.000.294.501	1.995.462.688
Trên 01 năm đến 05 năm	5.691.178.005	6.301.850.751
Trên 05 năm	23.470.218.339	24.691.934.577
Cộng	<u>31.161.690.845</u>	<u>32.989.248.016</u>

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.726 m² đất đang sử dụng tại số 8A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế. Thời hạn thuê 47 năm từ ngày 24/3/2003 đến hết ngày 24/3/2050.

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ đối với diện tích 9.868,9 m² đất đang sử dụng tại Khu công nghiệp thành phố Cần Thơ. Thời hạn thuê 47 năm từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 20/3/2053. Tiền thuê được trả hàng năm theo mức 0,66 VND/m²/năm và phí sử dụng cơ sở hạ tầng: 0,3 USD/m²/năm.

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch vụ Hồng Ngọc Phú Quốc đối với diện tích 2.549 m² đất đang sử dụng tại số 51, Nguyễn Huệ, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với mức tiền thuê 52,5 triệu đồng/tháng. Thời hạn thuê 05 năm từ ngày 02/6/2015 đến hết ngày 28/4/2020.

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Hồng Ngọc Dương Đông đối với diện tích 1.000 m² đất đang sử dụng tại ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với mức tiền thuê 50 triệu đồng/tháng. Thời hạn thuê 10 năm từ ngày 01/8/2017 đến hết ngày 01/8/2027.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.042.318.650.989	2.033.725.002.013
Doanh thu bán thành phẩm	349.317.311.759	138.028.182.315
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.011.463.527	11.241.010.515
Cộng	<u>2.422.647.426.275</u>	<u>2.182.994.194.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	3.164.230.831	1.843.020.944
Hàng bán bị trả lại	297.175.556	208.052.273
Cộng	<u>3.461.406.387</u>	<u>2.051.073.217</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.959.878.800.826	1.933.038.384.241
Giá vốn của thành phẩm đã bán	301.636.118.353	112.529.683.569
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.458.601.606	7.817.423.519
Cộng	<u>2.285.973.520.785</u>	<u>2.053.385.491.329</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	300.525.726	49.797.475
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	304.775.055	308.311.286
Lãi tiền cho vay	7.333.333	-
Chiết khấu thanh toán	4.790.187.325	4.455.435.782
Thu phí bảo lãnh nhà cung cấp	-	450.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.086.862	-
Lãi phát sinh từ chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	5.463.874.593
Doanh thu tài chính khác	328.920	-
Cộng	<u>5.413.237.221</u>	<u>10.727.419.136</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	26.530.464.137	16.609.765.802
Chiết khấu thanh toán cho người mua	634.078.730	264.135.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.683.230	66.401.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.798.282	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	889.017.720	(1.349.069.600)
Chi phí tài chính khác	42.940.500	-
Cộng	<u>28.124.982.599</u>	<u>15.591.233.203</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.873.461.508	21.204.616.221
Chi phí vật liệu, bao bì	4.094.547.647	4.580.012.385
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	492.724.422	980.506.072

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.643.344	7.021.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.322.345.198	36.107.723.488
Các chi phí khác	6.304.525.432	7.016.486.911
Cộng	<u>62.482.247.551</u>	<u>69.896.366.078</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.174.357.105	7.385.323.686
Chi phí vật liệu quản lý	208.963.358	211.762.938
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.519.415.724	1.183.682.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.201.056.883	3.958.750.145
Thuế, phí và lệ phí	1.671.634.829	725.910.292
Dự phòng phải thu khó đòi	3.785.282.836	1.073.684.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.152.298.844	2.648.660.455
Phân bổ lợi thế thương mại	675.565.059	506.673.794
Các chi phí khác	6.756.813.180	3.543.558.094
Cộng	<u>36.145.387.818</u>	<u>21.238.006.224</u>
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.247.403.779	3.631.438.562
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.733.394.676	4.536.097.426
Thu từ hàng thừa barem thép, thừa kiểm kê	442.919.550	619.284.145
Thu từ bồi thường đất	-	331.685.195
Thu nhập khác	810.601.852	314.697.982
Cộng	<u>7.234.319.857</u>	<u>9.433.203.310</u>
9. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	711.424.466	1.984.545.422
Tiền phạt thanh toán quá hạn	25.402.246	61.430.036
Chênh lệch thiếu kiểm kê	-	570.304.996
Chi khác	208.452.553	2.909.915.874
Cộng	<u>945.279.265</u>	<u>5.526.196.328</u>
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.059.000	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>(229.674.505)</u>	<u>(131.454.200)</u>
Cộng	<u>(224.615.505)</u>	<u>(131.454.200)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.536.430.832	26.815.333.236
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(991.557.041)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	(793.245.633)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.536.430.832	25.030.530.562
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.225.399	5.602.899
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.014	4.467

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 4.355 VND lên 4.467 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.423.927.371	162.650.602.127
Chi phí nhân công	60.601.232.621	40.502.139.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.130.660.025	13.750.310.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.342.897.178	8.454.404.871
Chi phí khác	24.129.426.686	13.787.485.792
Cộng	469.628.143.881	239.144.943.097

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay vốn	-	2.603.530.414
Trả nợ vay	(1.593.166)	(2.571.000.000)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16, V.22a và V.22b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao	517.833.031	85.052.608
Lương và thưởng	1.175.366.519	815.314.720
Cộng	1.693.199.550	900.367.328

2. Số liệu so sánh

2a. Các sai sót

Trong năm trước Công ty TNHH MTV Hamaco Petro đã ký hợp đồng tiền gửi số 01/2017HỆTG/PVBCNCTO-HAMACO có kỳ hạn 24 tháng từ ngày 11 tháng 10 năm 2017 đến ngày 11 tháng 10 năm 2019 có giá trị là 2.700.000.000 VND nhưng khoản tiền gửi có kỳ hạn này được trình bày trên chi tiêu “Tiền” cuối năm trước.

2b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Tiền	111	29.430.915.153	(2.700.000.000)	26.730.915.153	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	2.700.000.000	2.700.000.000	(ii)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.700.000.000)	(2.700.000.000)	(iii)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.168.428.355	(2.700.000.000)	8.468.428.355	(iv)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36.059.376.577	(2.700.000.000)	33.359.376.577	(iv)

(i) Tiền: Giảm do trình bày nhầm khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng với số tiền là 2.700.000.000 VND vào khoản mục tiền.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Tăng do trình bày nhầm khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng từ khoản mục tiền với số tiền là 2.700.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác: Giảm do khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được điều chỉnh tăng 2.700.000.000 VND.
- (iv) Giảm do điều chỉnh tăng dòng tiền “Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác” với số tiền là 2.700.000.000 VND.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là kinh doanh vật liệu xây dựng và sơn các loại. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh gas, dầu nhờn,...doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Vũ Thị Lan Phương
Người lập

Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

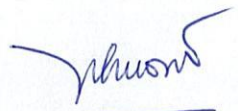
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

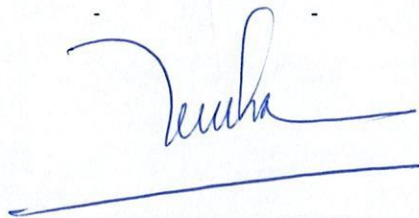
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	88.222.549.055	88.006.807.029	67.029.698.404	1.302.053.099	105.324.545	244.666.432.132
Mua trong năm	1.158.261.450	3.184.310.730	6.418.011.818	37.543.636	260.790.000	11.058.917.634
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.160.571.413	12.457.776.684	1.236.173.975	-	-	22.854.522.072
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(830.329.545)	-	-	(830.329.545)
Số cuối năm	98.541.381.918	103.648.894.443	73.853.554.652	1.339.596.735	366.114.545	277.749.542.293
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.790.790.982	3.166.511.153	31.211.484.773	268.094.009	45.454.545	48.482.335.462
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	19.092.448.303	10.036.494.398	48.236.785.900	351.784.224	46.452.378	77.763.965.203
Khấu hao trong năm	6.496.114.570	8.695.847.089	5.031.991.869	258.695.194	64.131.993	20.546.780.715
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(335.006.050)	-	-	(335.006.050)
Số cuối năm	25.588.562.873	18.732.341.487	52.933.771.719	610.479.418	110.584.371	97.975.739.868
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	69.130.100.752	77.970.312.631	18.792.912.504	950.268.875	58.872.167	166.902.466.929
Số cuối năm	72.952.819.045	84.916.552.956	20.919.782.933	729.117.317	255.530.174	179.773.802.425
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019



Vũ Thị Lan Phương
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	897.450.000	-	-	897.450.000
Xây dựng cơ bản dở dang	8.633.926.703	25.879.991.854	(22.854.522.072)	(33.506.363)	11.625.890.122
- Cầu trục	33.506.363	-	-	(33.506.363)	-
- Dây chuyền cọc gian AB	2.397.894.917	8.826.215.866	(11.224.110.783)	-	-
- Băng tải con lăn	1.233.819.976	2.353.999	(1.236.173.975)	-	-
- Đúc dầm chuyển hướng	-	2.379.023.597	-	-	2.379.023.597
- Xường cán kéo thép	-	8.757.388.307	-	-	8.757.388.307
- Công trình xây dựng kho 55 Tâm Vu	1.165.857.645	77.400.584	(1.243.258.229)	-	-
- Công trình phòng kinh doanh Sơn số 8A, Cách mạng	167.537.744	285.747.386	(453.285.130)	-	-
- Các công trình khác	3.635.310.058	5.551.862.115	(8.697.693.955)	-	489.478.218
Sửa chữa tài sản cố định	22.873.409	622.212.465	-	(385.994.965)	259.090.909
Cộng	8.656.800.112	27.399.654.319	(22.854.522.072)	(419.501.328)	12.782.431.031

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019



Vũ Thị Lan Phương
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

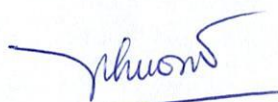
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	675.338.590	-	9.142.345.152	(8.868.420.475)	949.263.267	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.039.074.752	(2.039.074.752)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	3.185.700	(3.185.700)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.739.668.287	17.260.083	3.418.779.082	(7.131.557.898)	1.765.436.174	1.755.806.786
Thuế thu nhập cá nhân	113.246.010	1.549.381	1.023.859.416	(841.673.719)	293.882.326	-
Thuế nhà đất	-	-	16.722.774	(16.722.774)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	1.408.819.395	(1.408.819.395)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	32.000.000	(32.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	154.424.051	(154.424.051)	-	-
Cộng	4.528.252.887	18.809.464	17.239.210.322	(20.495.878.764)	3.008.581.767	1.755.806.786

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019



Vũ Thị Lan Phương
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 04: Chi tiết phát sinh vay và nợ

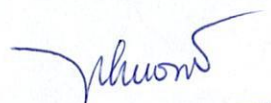
Đơn vị tính: VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn:

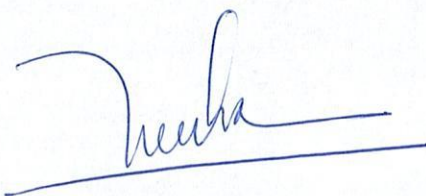
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chuyển sang vay dài hạn do thay đổi thời hạn vay</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	282.326.377.707	2.151.513.963.724		(2.184.347.583.422)	-	249.492.758.009
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.104.765.444	3.000.000.000		(1.593.166)	(7.103.172.278)	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.004.854.787	-	20.720.483.360	(22.607.020.398)	(2.397.834.389)	20.720.483.360
Cộng	314.435.997.938	2.154.513.963.724	20.720.483.360	(2.206.956.196.986)	(9.501.006.667)	273.213.241.369

Chi tiết phát sinh của vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng do điều chỉnh từ vay ngắn hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn bên liên quan	-	1.656.166	-	-	-	1.656.166
Vay dài hạn ngân hàng	92.437.737.432	7.476.601.218	-	(10.301.388.107)	(20.720.483.360)	68.892.467.183
Vay dài hạn các cá nhân	700.000.000	50.567.267.010	9.501.006.667	(32.038.812.788)	-	28.729.460.889
Cộng	93.137.737.432	58.045.524.394	9.501.006.667	(42.340.200.895)	(20.720.483.360)	97.623.584.238



Vũ Thị Lan Phương
Người lập



Lâm Thị Trúc Hà
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Lê Hoàng Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 184, Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	62.253.990.000	-	2.000.000.000	(9.960.000.000)	9.187.327.880	840.769.350	20.737.258.916	-	85.059.346.146
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	26.815.333.236	1.350.227.330	28.165.560.566
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.588.482.966	-	(5.998.230.127)	-	(1.409.747.161)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(4.480.524.200)	-	(4.480.524.200)
Tăng quỹ đầu tư phát triển	-	-	(2.000.000.000)	-	2.840.769.350	(840.769.350)	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	30.195.773.982	30.195.773.982
Chi tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	-	-	-	(3.912.116.500)	-	(3.912.116.500)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(262.945.217)	-	(262.945.217)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(1.157.369.937)	-	(1.157.369.937)
Số dư cuối năm trước	62.253.990.000	-	-	(9.960.000.000)	16.616.580.196	-	31.741.406.171	31.546.001.312	132.197.977.679
Số dư đầu năm nay	62.253.990.000	-	-	(9.960.000.000)	16.616.580.196	-	31.741.406.171	31.546.001.312	132.197.977.679
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	12.536.430.832	2.431.564.539	14.967.995.371
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5.949.342.248	-	(6.986.456.936)	-	(1.037.114.688)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(5.057.971.600)	-	(5.057.971.600)
Chi tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	-	-	-	(3.922.029.300)	-	(3.922.029.300)
Bán cổ phiếu quỹ	-	622.500.000	-	9.960.000.000	-	-	-	-	10.582.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(361.278.860)	-	(361.278.860)
Số dư cuối năm nay	62.253.990.000	622.500.000	-	-	22.565.922.444	-	27.950.100.307	33.977.565.851	147.370.078.602

Vũ Thị Lan Phương

Vũ Thị Lan Phương
 Người lập

Lâm Thị Trúc Hà

Lâm Thị Trúc Hà
 Kế toán trưởng

